

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
VỀ VIỆC XÁC ĐỊNH CHA CHO CON
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ TỈNH LÂM ĐỒNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông **Phạm Quốc Tuấn**

Thư ký phiên họp: Bà **Nguyễn Thị Út** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên họp:
Bà Phan Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ tỉnh Lâm Đồng mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 01/2022/TLST-VHNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2022 về việc “ *Yêu cầu xác định cha cho con*” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2022/QĐST- PH ngày 08 tháng 7 năm 2022, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Anh **Trần Văn D**, sinh năm 1996;
2. Anh **Trần Văn L**, sinh năm: 1998.

Địa chỉ: Thôn V, xã P, huyện T, tỉnh Hòa B.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông **Nguyễn Đình C**, sinh năm: 1966 (đã chết).

Địa chỉ: Thôn H, xã Q, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. Ông **Nguyễn Đình B**, sinh năm 1960;

Địa chỉ: Thôn H, xã Q, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

3. Bà **Trần Thị M**, sinh năm: 1965.

Địa chỉ: Thôn V, xã P, huyện T, tỉnh Hòa B.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Trong thời gian năm 1995 đến năm 1998 ông Nguyễn Đình C và bà Trần Thị M phát sinh tình cảm và hai bên có tổ chức lễ cưới về chung sống với nhau

sinh ra anh D, anh L. Sau đó, Do ông C bà M phát sinh mâu thuẫn nên bà M mang anh D, anh L chuyển về ngoài bắc sinh sống, do phải làm giấy khai sinh để cho anh D, anh L đi học nên bà M lấy họ của bà M để đặt tên cho anh D anh L trong khai sinh là Trần Văn D và Trần Văn L nhưng bỏ trống tên bố. Ông C ở lại xã Q và chết do tai nạn vào ngày 08/02/2001. Nay anh D, anh L muốn xác định ông Nguyễn Đình C là cha nhưng do ông Nguyễn Đình C đã mất nên không thể làm thủ tục xác định cha cho con tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng được. Vì vậy, anh D anh L yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết yêu cầu xác định ông Nguyễn Đình C là cha ruột của anh D anh L để các anh nhận lại họ của mình cho đúng.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên họp phát biểu ý kiến đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo hướng chấp nhận đơn yêu cầu của anh D, anh L yêu cầu Tòa án xác định ông Nguyễn Đình C là cha của anh D và anh L.

Về lệ phí giải quyết việc dân sự và chi phí tố tụng: Buộc anh D, anh L phải chịu lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự và toàn bộ chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Đ nhận định:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

[2] Về nội dung: Anh Trần Đình D, anh Trần Văn L yêu cầu Tòa án xác định ông Nguyễn Đình C là cha của hai anh. Tòa án nhân dân huyện Đ nhận thấy:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập thì tại bản tự khai của ông Nguyễn Đình B (anh ruột ông C) xác định ông Nguyễn Đình C, bà Trần Thị M là vợ chồng và ông C là cha của anh D, anh L. Việc anh D, anh L yêu cầu xác định ông C là cha của hai anh thì ông đồng ý và không có ý kiến gì phản đối.

Tại biên bản xác minh các ông Đoàn Văn P1, ông Cao Văn K, ông Bùi Hữu T1 là các hàng xóm cũ của ông Nguyễn Đình C, bà Trần Thị M xác định ông Nguyễn Đình C, bà Trần Thị M có tình cảm và tổ chức đám cưới về chung sống với nhau nhưng chưa đăng ký kết hôn, hai người có 02 con trai tên là D và L sau

này do bà M và ông C mâu thuẫn nên bà M dẫn 02 con về ngoài bắc sinh sống nên việc bà M trình bày bà và ông C lập gia đình và có 02 con chung là có căn cứ.

Tại giấy khai sinh số 49 ngày 18/4/1997 của UBND xã Q mang tên anh Nguyễn Đình D xác định người cha trong giấy khai sinh là ông Nguyễn Đình C, người mẹ là Trần Thị M và tại giấy chứng nhận để lập khai sanh ngày 25/9/1998 của trạm y tế xã Q mang tên anh Nguyễn Đình L cũng xác định người cha là ông Nguyễn Đình C và người mẹ là bà Trần Thị M.

Trong quá trình giải quyết vụ việc anh D, anh L có đơn yêu cầu giám định ADN với ông Nguyễn Đình B là anh ruột của ông Nguyễn Đình C thì kết quả phân tích ADN của Công ty cổ phần dịch vụ phân tích Di truyền chi nhánh phía nam (Công ty Gentis) xác định giữa ông Nguyễn Đình B và anh Trần Văn D, anh Trần Văn L có quan hệ huyết thống theo dòng nội (trên nhiễm sắc thể Y). Do đó, có căn cứ cho rằng anh D, anh L là con của ông Nguyễn Đình C.

Từ những phân tích trên thấy rằng yêu cầu của anh D, anh L và đề nghị của Viện kiểm sát là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về lệ phí việc dân sự: Anh Trần Văn D phải chịu 300.000 đồng lệ phí việc dân sự nhưng được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0489 ngày 10/6/2022 của chi cục thi hành án dân sự huyện Đ. Anh D đã nộp đủ lệ phí.

Anh Trần Văn L phải chịu 300.000 đồng lệ phí việc dân sự nhưng được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0488 ngày 10/6/2022 của chi cục thi hành án dân sự huyện Đ. Anh L đã nộp đủ lệ phí.

Về chi phí tố tụng: anh Trần Văn D, anh Trần Văn L tự nguyện chịu chi phí giám định nên không xem xét giải quyết đến.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 10, Điều 29, Điều 39, Điều 369, Điều 370, Điều 371, Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 88, Điều 102 Luật hôn nhân gia đình.

1/ Chấp nhận yêu cầu của anh Trần Văn D, anh Trần Văn L xác định ông Nguyễn Đình C (chết ngày 08/02/2001 theo giấy chứng tử của UBND xã Q, huyện Đ, Lâm Đồng) là cha của anh Trần Văn D, anh Trần Văn L.

2/ Về quan hệ nhân thân và quan hệ tài sản của anh Trần Văn D, anh Trần Văn L với ông Nguyễn Đình C được thực hiện theo quy định của pháp luật.

3/ Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Anh Trần Văn D phải chịu 300.000 đồng lệ phí việc dân sự nhưng được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp

300.000 đồng theo biên lai số 0489 ngày 10/6/2022 của chi cục thi hành án dân sự huyện Đ. Anh D đã nộp đủ lệ phí.

Anh Trần Văn L phải chịu 300.000 đồng lệ phí việc dân sự nhưng được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0488 ngày 10/6/2022 của chi cục thi hành án dân sự huyện Đ. Anh L đã nộp đủ lệ phí.

4/ Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu có quyền kháng cáo trong thời hạn mười ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THA dân sự huyện Đ;
- UBND xã P, T, Hòa B;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

(Đã ký tên và đóng dấu)

Phạm Quốc Tuấn

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 22-VDS:

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố Mộc tỉnh, thành phố trực Mộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố Mộc tỉnh, thành phố trực Mộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực Mộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm, ô thứ ba ghi ký hiệu loại quyết định (ví dụ: “Số: 20/2018/QĐST-KDTM”).

(3) Ghi loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.

(4) Nếu việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì không cần ghi nội dung này.

(5) Ghi họ tên, chức danh của Thư ký phiên họp.

(6) Ghi địa điểm diễn ra phiên họp (ví dụ: trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định).

(7) Ghi số, ký hiệu, ngày tháng năm thụ lý việc dân sự và loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.

(8) Nếu người yêu cầu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên cần ghi thêm ngày, tháng, năm sinh của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.

(9) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu; nếu là người đại diện theo pháp luật thì ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với người yêu cầu; nếu là người đại diện theo ủy quyền thì ghi chú trong ngoặc đơn “văn bản ủy quyền ngày ... tháng ... năm”

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A, trú tại..... là người đại diện theo pháp luật của người yêu cầu (Tổng Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng Tân Phước Thịnh).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B, trú tạilà người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu (Văn bản ủy quyền ngày..... tháng..... năm.....).

(10) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và Mộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều người yêu cầu thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người yêu cầu nào.

(11) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (8).

(12) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (9).

(13) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (10).

(14) Ghi họ tên và địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người làm chứng.

(15) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người phiên dịch; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.

(16) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người giám định; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.

(17) Ghi rõ những nội dung mà người yêu cầu yêu cầu Tòa án giải quyết.

(18) Ghi nhận định của Tòa án và những căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(19) Ghi rõ điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự và pháp luật liên quan để ra quyết định.

(20) Ghi các quyết định của Tòa án về giải quyết việc dân sự.

(21) Ghi rõ những người phải nộp lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự và mức lệ phí mỗi người phải nộp; nếu Mộc trường hợp không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự thì ghi rõ là không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

(22) Ghi quyết định của Tòa án về quyền kháng cáo, kháng nghị của đương sự và Viện kiểm sát.

(23) Chỉ ghi quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự đối với những quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự.

(24) Trường hợp việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì ghi:

“THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)”